

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTMPT

Ngày: 10-01-2022

V/v Tranh chấp đòi nợ từ hợp
đồng mua bán hàng hóa và yêu
cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp
tài sản vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Bà **Phan Thị Hồng Dung**

Bà **Trần Thị Thanh Giang**

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần
thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông **Lương Sơn Bá**

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 7 năm
2021 về “*Tranh chấp đòi nợ từ hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu tuyên bố
hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 05
tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐPT-KDTM
ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty B

Trụ sở: Lô B4, đường số 6, khu C, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Thanh N**, chức vụ: Giám đốc

Người đại theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Ông **Lê Quốc C** - chức vụ: Trưởng phòng dịch vụ khách hàng (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 2.05 Lô A, Chung cư O, Lê Đ, phường P, quận G, Tp. Hồ Chí Minh

2/ Bà **Mai Huỳnh Y** - sinh năm: 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: số 94B, đường H, phường K, TP. A, Long An

3/ Bà **Lê Thị Kim H** - chức vụ: Kế toán (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn V, H. C, Long An

4/ Bà **Đặng A** - sinh năm: 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: 42 (Phòng D34), đường V, P. V, quận V, TP. Hồ Chí Minh.

5/ Ông **Nguyễn M** - sinh năm: 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: phòng 1102, Tòa nhà M, số 235 đường K, Quận K, TP. Hồ Chí Minh

6/ Bà **Phạm U** - sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 154/5/2 đường L, phường L, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền lập ngày 24/4/2021).

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Lưu Tiến D** - Công ty luật trách nhiệm hữu hạn YKVN thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt)

Địa chỉ: Phòng V1201 – 02, Tòa nhà P, 83B L, TP. Hà Nội.

Bị đơn: Công ty P

Trụ sở: 6789, quốc lộ 91, khu vực T, phường T, quận T, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Hồng Thị Thanh T**, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1/ Ông **Trần U** - sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: OP 05.32 Tòa nhà O, số 130 – 132 H, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền lập ngày 08/12/2021)

2/ Ông **Nguyễn Hoàng Đ** - sinh năm: 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực T, P. T, quận T, TP. Cần Thơ

(Văn bản ủy quyền lập ngày 04/5/2021)

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư **Đỗ Bá D** - Công ty luật trách nhiệm hữu hạn K, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng V

Trụ sở: Tháp B, số 35 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/Ông **Võ Ngọc Q** – chức vụ: Phó trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp – chi nhánh sở giao dịch 2 (Có mặt)

2/Ông **Lê Quang L** – chức vụ: Chuyên viên (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng V (Theo giấy ủy quyền lập ngày 21/8/2020).

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ngân hàng:

Luật sư **Trần V** (có mặt), luật sư **Nguyễn Quang R** (có mặt), luật sư **Nguyễn Thị Thanh H** (vắng mặt) - Văn phòng luật sư quốc tế H thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Số 5/364, phố M. P. V, Q. H, TP. Hà Nội,

Do có kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/8/2020 của nguyên đơn Công ty B và các lời khai của người đại diện hợp pháp trình bày như sau:

Nguyên đơn Công ty B có ký kết với bị đơn Công ty P (gọi tắt là Công ty P) các hợp đồng mua bán hàng hóa để cung cấp thiết bị dây chuyền sản xuất gạo cho nhà máy P 2, P 3 của bị đơn như sau:

+ Hợp đồng số 004/CTR15.BFVN ký ngày 05/2/2015 được sửa đổi, bổ sung 14 phụ lục (gọi tắt hợp đồng 004) cung cấp thiết bị là hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24 giờ cho nhà máy P 3 với giá trị bằng 190.655.592.750đồng.

+ Hợp đồng mua bán số 027/CTR15.BFVN ký ngày 31/12/2015 được sửa đổi, bổ sung 03 phụ lục (gọi tắt hợp đồng 027) cung cấp thiết bị là thùng chứa lúa, gạo lúc, hệ thống thu gom bụi từ máy sấy, máy may bao Newlong 1 kim 2 chỉ và máy tách màu B SORTEX S4 cho nhà máy P 3 với giá trị bằng 13.696.100.000đồng.

+ Hợp đồng mua bán số 006/CTR16.BFVN ký ngày 24/5/2016 được sửa đổi, bổ sung 01 phụ lục (gọi tắt hợp đồng 006) cung cấp thiết bị hệ thống xông trùng thùng chứa gạo thành phẩm 1900T (20 ngăn), hệ thống xông trùng thùng chứa gạo nguyên liệu 760T (8 ngăn) cho nhà máy P 2 với giá trị hợp đồng bằng 1.436.115.000đồng.

Các hợp đồng mua bán thiết bị nêu trên đều có điều khoản quy định cho đến khi bị đơn thanh toán đầy đủ tiền hàng, nguyên đơn vẫn có quyền sở hữu đối với các thiết bị cung cấp thể hiện tại Điều 14 của hợp đồng 004 quy định như sau: “*Bên cung cấp vẫn sẽ là chủ sở hữu của thiết bị cung cấp cho đến khi đã nhận được đủ tất cả các khoản thanh toán phù hợp theo quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng*” và tại Điều

3.3 tại Hợp đồng 027 và Hợp đồng 006 đều quy định như sau: “*Bên mua chưa thanh toán hết số tiền theo Điều 2 của hợp đồng này thì thiết bị tương ứng với số tiền chưa thanh toán vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, bên bán có quyền thu hồi lại nếu quá thời gian thanh toán quy định 30 ngày*”. Sau đó, tính đến ngày 31 /12 /2018, nguyên đơn đã hoàn thành việc giao, lắp đặt và nghiệm thu các thiết bị theo các hợp đồng nói trên tại nhà máy P 2, 3 của bị đơn. Tuy nhiên, đến nay bị đơn chưa hoàn tất việc thanh toán cho nguyên đơn theo các hợp đồng nêu trên được thể hiện ở các văn bản sau:

+ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12 /2018, theo đó, bị đơn xác nhận số tiền còn nợ của nguyên đơn theo hợp đồng 004 là 50.216.053.562đồng, số tiền nợ theo Hợp đồng 027 là 3.051.570.000đồng và số tiền nợ theo hợp đồng 006 là 574.446.000đồng.

+ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/2/2020 điều chỉnh lại nội dung Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018, theo đó, bị đơn xác nhận số tiền còn nợ theo hợp đồng 004 là 22.312.697.062đồng, số tiền nợ theo Hợp đồng 027 là 3.634.570.000đồng và số tiền nợ theo hợp đồng 006 là 574.446.000đồng và hợp đồng cho vay hỗ trợ số BVIE – PH 001/2017 số tiền 30.000.000.000 đồng. Tổng cộng 65.000.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận giải quyết công nợ dự án P ngày 14/02/2020: Nguyên đơn đã đồng ý giảm tổng số công nợ của các hợp đồng mua bán thiết bị mà bị đơn có trách nhiệm phải trả số tiền 55.000.000.000đồng gia hạn thời hạn thanh toán cho bị đơn đến ngày 31/5/2020. Trong thỏa thuận này, các bên đều biết nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo các hợp đồng nêu trên và bị đơn mới chỉ thanh toán một phần giá trị khoản công nợ của các hợp đồng nêu trên. Ngoài ra, tại thỏa thuận nêu trên hai bên đã thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Do bị đơn chưa thanh toán hết các khoản tiền mua thiết bị theo các hợp đồng nên căn cứ vào các điều khoản của các hợp đồng nêu trên về việc quyền sở hữu chưa chuyển giao cho bị đơn khi bị đơn chưa thanh toán hết các khoản tiền mua hàng và căn cứ quy định Điều 62 Luật Thương mại thì nguyên đơn vẫn có quyền sở hữu đối với các thiết bị đã giao và lắp đặt theo các hợp đồng này tại nhà máy P 2, P 3.

Mặc dù, chưa thanh toán hết tiền hàng nhưng bị đơn vẫn thế chấp máy móc, thiết bị được nguyên đơn cung cấp theo các hợp đồng 004, Hợp đồng 027 và hợp

đồng 006 cho Ngân hàng V (gọi tắt là ngân hàng) để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn tại Ngân hàng này thể hiện tại Hợp đồng bảo đảm số 01/2017/6086407/HĐBĐ được ký kết ngày 24/11/2017 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29 /11/2017 (gọi tắt hợp đồng thế chấp số 01). Hành vi này của bị đơn là vi phạm các hợp đồng nêu trên vì theo quy định tại các hợp đồng đó thì tài sản đem thế chấp vẫn thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn và chưa được chuyển giao quyền sở hữu cho bị đơn nên bị đơn không được phép định đoạt, bao gồm cả việc thế chấp các tài sản đó.

Nguyên đơn được biết Ngân hàng đang tiến hành tổ chức bán đấu giá khoản nợ của bị đơn được bảo đảm bằng nhiều tài sản, trong số đó có các máy móc, thiết bị được cung cấp theo các hợp đồng nói trên thể hiện tại Thông báo số 262/BDV.SGD2-KHDN2, ngày 02/3/2020 về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá khoản nợ của bị đơn trên website của ngân hàng. Theo thông báo này, ngân hàng có kế hoạch bán đấu giá toàn bộ dư nợ gốc, lãi vay và phí phạt phát sinh của bị đơn để thu hồi nợ và tại thời điểm bán đấu giá với số tiền nợ được tạm tính đến ngày 31/3/2020 là 990.000.000.000 đồng. Trong phần thông tin về khoản nợ bán đấu giá, danh mục tài sản thế chấp kèm theo khoản nợ bao gồm dây chuyền máy móc thiết bị của nhà máy P 2,3 cụ thể như sau:

“Tại Nhà máy P 2:

- + Hệ thống nhập liệu, dây chuyền lau bóng và tách màu 12-18 tấn/h, hệ thống thùng chứa thành phẩm 1900 tấn, dây chuyền cân đóng bao, hệ thống khí – B.*
- + Hệ thống Máy tách màu S6 – B.*
- + Hệ thống máy tách màu sortex B5 – B.*
- + Hệ thống xông trùng thùng chứa gạo Thành phẩm 1900T (20 Ngăn), hệ thống xông trùng thùng chứa gạo Nguyên Liệu 760T (8 Ngăn) – B.*
- + Hệ thống bồ dài, băng tải – B.*
- + Trạm biến áp 630KVA lên 1500 KVA.*

Tại Nhà máy P 3:

- + Hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24 giờ - B.*
- + Hệ thống thùng chứa lúa, thu gom bụi từ máy sấy và máy tách màu S4 – B.*
- + Trạm biến áp 1000KVA lên 1000KVA+2000KVA và cáp ngầm hạ thế từ cụm trạm biến áp vào các tủ phân phối trong nhà máy.*
- + Thang máy nhà xưởng”*

Sau đó, ngày 04/5/2020, nguyên đơn đã gửi công văn số 1000000280 gửi cho ngân hàng và bị đơn, trong đó nguyên đơn đã thông báo về việc khoản nợ ngân hàng đang muốn bán đấu giá đang được bảo đảm bằng các tài sản thuộc sở hữu của nguyên đơn mà bị đơn đem thế chấp một cách bất hợp pháp và để ngăn chặn việc bán đấu giá khoản nợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đến ngày 14/5/2020 tiếp tục gửi các công văn số 1000000281, 1000000282 yêu cầu bị đơn và ngân hàng hủy bỏ giao dịch thế chấp các tài sản nêu trên của nguyên đơn trong hợp đồng bảo đảm, hợp đồng vay liên quan đã ký kết và yêu cầu Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản xóa đăng ký biện pháp bảo đảm đối với các tài sản nêu trên của nguyên đơn nhưng không được chấp nhận.

Nhận thấy các hợp đồng mua bán này là hợp đồng thương mại theo quy định tại Điều 62 Luật Thương mại 2005 quyền sở hữu hàng hóa được chuyển từ bên bán sang bên mua kể từ thời điểm hàng hóa được chuyển giao, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác. Như vậy, khi bên bán là nguyên đơn hoàn thành việc giao, lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị tại nhà máy P 2,3 thì quyền sở hữu đối với các máy móc, thiết bị đó sẽ được chuyển giao cho P , trừ khi nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận khác. Việc bị đơn thế chấp máy móc, thiết bị nêu trên được thực hiện mà không có sự đồng ý hay chấp thuận của nguyên đơn là vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và việc chuyển nhượng khoản nợ của bị đơn khi khoản nợ đó còn đang được bảo đảm bằng các máy móc, thiết bị bị thế chấp bất hợp pháp làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 06/8/2020, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc 55.000.000.000đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính từ ngày 01/8/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi bị đơn thanh toán xong số nợ trên, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/2/2020 thì thời hạn trả nợ đến ngày 31/5/2020 và được nguyên đơn gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 31/7/2020 nhưng bị đơn tiếp tục không trả nợ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

1/ Tuyên bố bị đơn đã vi phạm Hợp đồng số 004, Hợp đồng số 006, Hợp đồng số 027 và buộc bị đơn hủy bỏ việc thế chấp các tài sản sau đây:

- + Hệ thống xông trùng thùng chứa gạo thành phẩm 1900T (20 ngăn), hệ thống xông trùng thùng chứa gạo nguyên liệu 760T (8 ngăn);
- + Hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24 giờ;
- + Hệ thống thùng chứa lúa, thu gom bụi từ máy sảy và máy tách màu S4.

2/ Tuyên bố vô hiệu phần nội dung liên quan đến việc thế chấp các tài sản được một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bảo đảm số 01/2017/6086407/HĐBĐ ngày 24/11/2017 đã ký kết giữa bị đơn với Ngân hàng và một phần hợp đồng vay được ký kết giữa bị đơn và Ngân hàng liên quan đến hợp đồng bảo đảm này, trong đó có nội dung thế chấp các tài sản sau:

- + Hệ thống xông trùng thùng chứa gạo thành phẩm 1900T (20 ngăn), hệ thống xông trùng thùng chứa gạo nguyên liệu 760T (8 ngăn);
- + Hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24 giờ;
- + Hệ thống thùng chứa lúa, thu gom bụi từ máy sảy và máy tách màu S4.

3/ Đồng thời, nguyên đơn tiếp tục yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thể hiện tại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 30/7/2020 của nguyên đơn về bổ sung đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 10/7/2020.

4/ Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn Công ty P phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 55.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/8/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi bị đơn thanh toán xong số nợ trên.

Bị đơn Công ty P có người đại diện hợp pháp trình bày như sau:

+ Đối với yêu cầu việc hủy bỏ việc thế chấp tài sản và tuyên bố vô hiệu phần nội dung liên quan đến việc thế chấp các tài sản:

Vào năm 2015 bị đơn được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 165 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư dự án nhà máy chế biến gạo xuất khẩu đến năm 2016, hạn mức cấp tín dụng của bị đơn được nâng lên là 257 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư dự án nhà máy (kể cả phần mở rộng), cấp hạn mức tín dụng trung dài hạn có bao gồm phần máy móc thiết bị của nguyên đơn, trong quá trình ký hợp đồng lắp đặt máy móc thiết bị tại dự án phía ngân hàng đã giải ngân thanh toán cho nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn đã thế chấp tài sản trên tại Ngân hàng, tài sản đã thế chấp ngân hàng nhưng vẫn còn nợ tiền của nguyên đơn là do: Vào tháng 04/2017, việc lắp đặt máy móc thiết bị tại dự án P mới hoàn thành đưa vào vận hành nhưng khi vận hành thiết

bị máy móc của nguyên đơn lắp đặt không đạt được yêu cầu như hợp đồng đã ký, máy móc không vận hành tốt làm hư hỏng chất lượng sản phẩm sản xuất, nguyên đơn tiến hành khắc phục sửa chữa nhưng đến nay vẫn không sửa chữa được.

Đồng thời, do dự án tăng so với ban đầu nên bị đơn đã nhiều lần đề nghị đến ngân hàng tái cơ cấu cho vay bổ sung bù đắp dự án trung dài hạn, bị đơn được ngân hàng yêu cầu cung cấp hồ sơ để trình hội sở chính cho vay bổ sung số tiền là 170 tỷ đồng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy chế biến gạo xuất khẩu với nội dung kèm theo là bổ sung đưa các tài sản còn lại của công ty vào thế chấp tại ngân hàng, đồng thời phía ngân hàng cũng hướng dẫn bị đơn treo nợ khoản phải trả của bên cung cấp thiết bị của nguyên đơn để có đủ cơ sở giải ngân bù đắp cho dự án (Phía ngân hàng chỉ hướng dẫn chứ không ra văn bản).

Bị đơn đã thực hiện các yêu cầu của ngân hàng và đã ký kết hợp đồng thế chấp các tài sản còn lại nhưng trên thực tế ngân hàng vẫn không giải ngân cho bị đơn, mặc dù công ty đã gửi đề nghị rất nhiều lần. Ngân hàng thiếu thiện chí trong việc tạo điều kiện cho công ty cơ cấu lại nợ, vì sự thiếu hợp tác của ngân hàng trong hoạt động cấp tín dụng gây khó khăn cho bị đơn. Tuy nhiên, khi bị đơn có những công văn đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho việc cơ cấu lại nợ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng không quan tâm và cũng không tạo điều kiện. Vì vậy, giữa bị đơn và ngân hàng không thể thỏa thuận được việc hủy bỏ thế chấp các tài sản của hợp đồng 004, hợp đồng 006 và hợp đồng 027 và vô hiệu phần nội dung liên quan đến việc thế chấp các tài sản và một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bảo đảm số 01/2017/6086407/HĐMB ngày 24/11/2017 đã ký kết giữa P và ngân hàng và một phần hợp đồng vay được ký kết giữa bị đơn và ngân hàng liên quan đến hợp đồng bảo đảm.

+ Về việc thanh toán số nợ 55 tỷ đồng và lãi suất chậm thanh toán từ ngày 01/08/2020. Vào thời điểm cuối năm 2019 tổng nợ mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền: 77.899.435.037 đồng nhưng việc khắc phục sửa chữa máy móc thiết bị đang lắp đặt tại dự án P kéo dài từ năm 2017 đến năm 2019, nguyên đơn vẫn không sửa chữa được. Vì sự hợp tác lâu dài, hỗ trợ lẫn nhau nên lãnh đạo của hai bên đã thống nhất thỏa thuận giảm công nợ và ngày 14/02/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký biên bản tổng số công nợ mà bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 55 tỷ đồng, việc giảm công nợ để bị đơn làm chi phí sửa chữa máy móc thiết bị đặt theo đúng chất lượng và công suất như hợp đồng đã ký. Đồng thời, các cấp lãnh đạo của nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả dần số nợ trên đến khi bị đơn tiếp cận được tài

chính nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa tiếp cận được tài chính nên chưa thực hiện được việc thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Do xác định là đối tác chiến lược lâu dài nên lãnh đạo hai bên có thỏa thuận trên tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong lúc đối tác gặp khó khăn nên không tính toán thiệt hơn nhưng nay nguyên đơn đã gửi đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán nợ 55 tỷ đồng thì bị đơn sẽ không chấp nhận khoản thỏa thuận giảm nợ mà sẽ khởi kiện nguyên đơn vi phạm các điều khoản trong hợp đồng dẫn đến thiệt hại rất lớn cho bị đơn các nội dung khởi kiện gồm:

+Hợp đồng số 004/CTR15.BFVN ký ngày 5/2/2015 thời gian hoàn thành đi vào hoạt động là tháng 02/2016 chi tiết phụ lục 2 của hợp đồng nêu rõ về thời gian hoàn thành và nghiệm thu đi vào hoạt động đến tháng 4/2017 mới hoàn thành lắp đặt, dự án hoàn thành không đúng tiến độ như hợp đồng hai bên đã ký.

+ Khi vận hành thử có tải và để tiến hành nghiệm thu bàn giao các thiết bị lắp đặt theo Hợp đồng số 004/CTR15.BPVN ký ngày 05/02/2015, Hợp đồng số 027/CTR15-BFVN ký ngày 31/12/2015 và Hợp đồng số 003/CTR17-BFVN ký ngày 30/03/2017 thì các thiết bị lắp đặt không đạt theo yêu cầu như Hợp đồng đã ký (*Sản phẩm chạy ra không đúng chất lượng, công suất lắp đặt chỉ đạt 50% của Hợp đồng, vận hành thiết bị hư không sửa chữa được.....*).

Từ năm 2017 đến nay nguyên đơn đã cử rất nhiều kỹ sư chuyên môn đến để sửa chữa nhưng không sửa được các lỗi của máy móc thiết bị, tất cả dây chuyền máy móc hoạt động được là nhờ bị đơn hỗ trợ sửa chữa, vận hành nhưng bị đơn chỉ hoạt động cầm chừng không chạy hết công suất là vì lỗi do thiết kế lắp đặt máy móc thiết bị không đúng như hợp đồng đã ký làm ảnh hưởng thiệt hại rất lớn cho bị đơn trong mấy năm qua đến thời điểm này giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu và vẫn chưa chuyển giao công nghệ và nghiệm thu nên việc thanh toán là chưa thể thực hiện, vì vậy, dựa trên những vi phạm trên Hợp đồng nay bị đơn yêu cầu nguyên đơn sửa chữa toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị lắp tại nhà máy P theo đúng công suất như hợp đồng đã ký và bồi thường những tổn thất thiệt hại cho bị đơn phải gánh chịu từ tháng 12/2016 cho đến nay bao gồm: khoản chi phí nguyên vật liệu mua vào để thử vận hành máy móc: 7.517.801.200đồng tương đương 331.180USD (tỷ giá: 22.700 đồng), chi phí lãi vay của dự án 66.525.547.503đồng, chi phí lương: 9.935.449.619đồng, tổng chi phí: 83.978.798.322đồng, bị đơn không có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, cần thiết sẽ tranh chấp sau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V có người đại diện hợp pháp trình bày:

+ Thứ nhất, ngày 24/11/2017: bị đơn Công ty P ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6086407/HĐBĐ với Ngân hàng theo đó thế chấp hệ thống máy móc, thiết bị của bị đơn trong đó gồm:

Hệ thống xông trùng thùng chứa gạo thành phẩm 1900T (20 ngăn), hệ thống xông trùng thùng chứa gạo nguyên liệu 760T (8ngăn); Hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24 giờ và hệ thống thùng chứa lúa, thu gom bụi từ máy sấy và máy tách màu S4 để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng được ký kết giữa 02 Bên. Hợp đồng thế chấp số 01/2017 được ký kết bởi đại diện hợp pháp của các bên và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh. *Tại khoản 3 Điều 12 hợp đồng thế chấp số 01 bị đơn có cam kết: “Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên thế chấp và theo quy định của pháp luật bên thế chấp có toàn quyền sử dụng để thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng ”.* Căn cứ theo các nội dung nêu trên, việc ký kết Hợp đồng thế chấp 01/2017 giữa bị đơn và ngân hàng là hợp pháp tuân thủ theo quy định của pháp luật.

+ Thứ hai, đối với việc bảo lưu quyền sở hữu theo các hợp đồng mua bán giữa bị đơn và nguyên đơn theo quy định tại Điều 461 Bộ luật Dân sự năm 2005 và được cụ thể hóa tại Điều 13 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 có nội dung: *“Trong trường hợp tài sản bảo đảm là tài sản mua trả chậm, trả dần, tài sản thuê có thời hạn từ một năm trở lên của doanh nghiệp, cá nhân có đăng ký kinh doanh gồm máy móc thiết bị hoặc động sản khác không thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu và hợp đồng mua trả chậm, trả dần, hợp đồng thuê được đăng ký tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có thẩm quyền trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày giao kết hợp đồng mua trả chậm, trả dần, hợp đồng thuê thì bên bán có bảo lưu quyền sở hữu, bên cho thuê có thứ tự ưu tiên thanh toán cao nhất khi xử lý tài sản bảo đảm; nếu không đăng ký hoặc đăng ký sau thời hạn trên và sau thời điểm giao dịch bảo đảm đã đăng ký thì bên nhận bảo đảm được coi là bên nhận bảo đảm ngay tình và có thứ tự ưu tiên thanh toán cao nhất khi xử lý tài sản bảo đảm”.*

Tại các hợp đồng mua bán các tài sản giữa bị đơn và nguyên đơn có nội dung điều khoản bảo lưu quyền sở hữu của bên bán, tuy nhiên trên thực tế nguyên đơn cũng không thực hiện đăng ký bảo lưu quyền sở hữu đối với các hợp đồng mua bán

các tài sản theo quy định nêu trên. Bên cạnh đó, ngân hàng đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đối với hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó, kể cả trong trường hợp có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu tại các hợp đồng mua bán thì căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 163 thì ngân hàng là bên nhận bảo đảm ngay tình và có thứ tự ưu tiên thanh toán cao nhất khi xử lý tài sản bảo đảm.

+ Thứ ba, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu một phần hợp đồng vay được ký kết giữa bị đơn và ngân hàng liên quan đến hợp đồng bảo đảm này là không đủ cơ sở, bởi vì quan hệ bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp và quan hệ tín dụng theo hợp đồng vay vốn giữa ngân hàng và bị đơn là 02 quan hệ pháp luật độc lập, quyền và nghĩa vụ giữa các bên tại 02 quan hệ dân sự này là khác nhau. Hai hợp đồng được ký kết đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, các hợp đồng này sẽ phát sinh hiệu lực độc lập không phụ thuộc vào hiệu lực của hợp đồng khác. Điều này có nghĩa, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản không ảnh hưởng và chi phối đến hiệu lực của nhau cho dù mục đích của việc thiết lập hợp đồng thế chấp là nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng.

+ Thứ tư, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm ngân hàng bán đấu giá và chuyển nhượng phần khoản nợ của bị đơn được bảo đảm bởi các tài sản là không đủ cơ sở, bởi vì theo như phân tích tại phần thứ ba nêu trên, quan hệ bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp và quan hệ tín dụng theo hợp đồng vay vốn giữa ngân hàng và bị đơn là 02 quan hệ pháp luật độc lập do đó việc giải quyết vụ án này liên quan đến hợp đồng thế chấp số 01 là độc lập và không ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ ngân hàng của bị đơn theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng.

Ngoài ra, thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên thì ngân hàng có biết việc mua bán hàng hóa thiết bị máy móc giữa nguyên đơn và bị đơn có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu nhưng sau khi ký kết hợp đồng thì ngân hàng đã đăng ký giao dịch đảm bảo hợp pháp theo quy định pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã rao bán khoản nợ kèm theo tài sản đảm bảo của bị đơn nhưng đến nay chưa có người mua khoản nợ này và tiếp tục rao bán theo quy định.

Nay qua yêu cầu của nguyên đơn thì ngân hàng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tuyên một phần hoặc toàn bộ hợp đồng thế chấp vô hiệu, vì hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa ngân hàng và bị đơn là hợp pháp, ngân

hàng là bên nhận thế chấp ngay tình và có thứ tự ưu tiên thanh toán cao nhất khi xử lý tài sản bảo đảm và không đồng ý áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm ngân hàng bán đấu giá và chuyển nhượng khoản nợ của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án thì Ngân hàng không có yêu cầu độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết để giải quyết trong cùng vụ án, sau đó, đến ngày 20/01/2021 thì ngân hàng mới có đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bị đơn và đang được Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án cấp sơ thẩm có văn bản đề nghị Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị cung cấp thông tin và được cung cấp thông tin như sau: *Vào thời điểm 09^h31 ngày 29/11/2017, Ngân hàng V- Chi nhánh Sở Giao dịch 2 thực hiện đăng ký trên Hệ thống đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm đối với các thông tin cụ thể sau: “Hợp đồng bảo đảm số 01/2017/6086407/HĐBĐ, ký ngày 24/11/2017. Bên bảo đảm: Công ty P. Bên nhận bảo đảm: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sở Giao dịch 2”*

Tài sản bảo đảm: Hệ thống các máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất của Công P, tổng giá trị là 297.188.841.525 đồng chi tiết như sau:

Tại kho P 2 (Địa chỉ: khu vực L, Phường T, quận T, TP Cần Thơ):

1/ Hệ thống nhập liệu, Dây chuyền lau bóng và tách màu 12-18 tấn/h, hệ thống thùng chứa thành phẩm 1900 tấn, dây chuyền cân đóng bao, hệ thống khí- B - HĐ số 002/CTR15.BFVN ngày 22/01/2015 và các Phụ lục, hóa đơn chứng từ có liên quan, giá trị: 58.656.220.000 đồng.

2/ Hệ thống máy tách màu S6 - B- Hợp đồng số 008/CTR16.BFVN ngày 24/05/2016 và các Phụ lục, hóa đơn chứng từ có liên quan, giá trị: 5.169.700.000 đồng.

3/Hệ thống máy tách màu sortex B5-B- Hợp đồng số 015/CTR15.BFVN ngày 25/06/2015 và các hóa đơn chứng từ có liên quan. Giá trị: 3.587.100.000đồng.

4/ Hệ thống xông trùng thùng chứa gạo Thành phẩm 1900T (20 Ngăn), hệ thống xông trùng thùng chứa gạo Nguyên Liệu 760T (8 Ngăn)-B-HĐ số 006/CTR16.BFVN 24/05/2016 và các Phụ lục, hóa đơn chứng từ có liên quan. Giá trị: 1.303.400.000đồng.

5/ Hệ thống bờ đê, băng tải - B- HĐ số: 017/CTR14.BFVN ký ngày 06/7/2015 và các hóa đơn chứng từ có liên quan. Giá trị: 88.440.000đồng.

6/ Các thiết bị khác của B (tại kho 2) theo các hóa đơn khác. Giá trị: 23.578.500đồng.

7/ Trạm biến áp 630kVA lên 1500 kVA. Giá trị: 1.218.481.000 đồng. II. Tại kho P 3 (Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, Tp.Cần Thơ), giá trị: 227.141.922.025đồng, chi tiết như sau:

8/ Hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24 giờ-B-H số 004/CTR2015.BFVN ngày 05/02/2015 cùng toàn bộ các Phụ lục, hóa đơn chứng từ có liên quan, giá trị: 210.333.570.025đồng.

9/ Hệ thống thùng chứa lúa, thu gom bụi từ máy sấy và máy tách màu S4 B- HĐ mua bán số 027/CTR15.BFVN ngày 31/12/2015 cùng toàn bộ các Phụ lục, hóa đơn chứng từ có liên quan, giá trị: 12.209.000.000đồng.

10/ Trạm biến áp 1000kVA lên 1000 kVA+ 2000KVA và cáp ngầm hạ thế từ cụm trạm biến áp vào các tủ phân phối trong nhà máy giá trị: 3.720.652.000đồng.

11/ Thang máy nhà xưởng. Giá trị: 878.700.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thế chấp là các hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất của Công ty CP XNK Gạo P theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6086407/HĐBĐ ngày 24/11/2017 là: 297.188.841.525đồng

Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký số 1270431250, thời điểm đăng ký: 09^h31 ngày 29/11/2017 theo đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định pháp luật tại Thông tư 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 hướng dẫn một số vấn đề đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và đến thời điểm cung cấp thông tin 09^h26 ngày 23/9/2020 đăng ký trên vẫn còn hiệu lực.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/5/2020 nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc ngân hàng, bị đơn và Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh xóa đăng ký biện pháp bảo đảm đối với các tài sản nêu trên của nguyên đơn và cấm ngân hàng bán đấu giá và chuyển nhượng phần khoản nợ của bị đơn được bảo đảm bằng các tài sản bị thế chấp của nguyên đơn cho đến khi có quyết định của Tòa án.

Sau đó, đến ngày 28/5/2020, Tòa án sơ thẩm ban hành Thông báo số 06/2020/TB –TA về việc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đến ngày

09/6/2020, nguyên đơn có đơn khiếu nại Thông báo nêu trên, đến ngày 24/6/2020, Chánh án Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 08/2020/QĐ – TA không chấp nhận khiếu nại của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự để hòa giải động viên nhằm tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thỏa thuận được nên vụ án đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tín dụng ký kết giữa Công ty P với Ngân hàng V – chi nhánh sở giao dịch 2, do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

1/ Bị đơn Công ty P phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty B tổng cộng số tiền 60.060.000.000đ (Sáu mươi tỷ, không trăm sáu chục triệu đồng) trong đó gồm: Số tiền nợ gốc 55.000.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán được tính theo mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính từ ngày 01/8/2020 đến ngày 04/5/2021 với số tiền 5.060.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 05/5/2021 trên dư nợ gốc theo mức suất thỏa thuận 1%/tháng cho đến khi bị đơn thanh toán xong số nợ này.

Về thời gian và phương thức thanh toán nợ được giải quyết tại Chi cục Thi hành án dân sự theo thẩm quyền.

2/ Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6086407/HĐBĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2017 ký kết giữa bên thế chấp Công ty P với bên nhận thế chấp Ngân hàng V – chi nhánh sở giao dịch 2 bị vô hiệu một phần đối với các tài sản là hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24giờ – B thể hiện tại hợp đồng số 004/CTR2015.BFVN, ngày 05/02/2015 kèm theo 14 phụ lục hợp đồng có liên quan, các tài sản được lắp đặt tại kho P 3, tọa lạc khu vực Thới Thạnh (nay thuộc khu vực Thới Thạnh 1), phường T, quận T, Tp. Cần Thơ, hiện các tài sản do bị đơn đang quản lý sử dụng.

3/ Bị đơn Công ty P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V phải có trách nhiệm xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các tài sản bị tuyên vô hiệu thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn nêu trên.

4/ Kiến nghị Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các tài sản là hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24 giờ – B được liệt kê trong hợp đồng số 004/CTR2015.BFVN, ngày 05/02/2015 kèm theo 14 phụ lục hợp đồng liên quan thể hiện trong hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6086407/HĐBĐ, ngày 24/11/2017 ký kết giữa bên thế chấp Công ty P với bên nhận thế chấp Ngân hàng V – chi nhánh sở giao dịch 2 theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 18/05/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; ngày 19/05/2021 nguyên đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Quan điểm của luật sư Lưu Tiến D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Luật sư tập trung phân tích các vấn đề liên quan đến yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu một phần do tài sản có bảo lưu quyền sở hữu.

Đối với Công ty P : Theo biên bản ngày 15/5/2020, giữa hai bên đã thỏa thuận về số nợ gốc, đối với tài sản bên bán vẫn được bảo lưu đối với quyền sở hữu nên Công ty P khi đem tài sản không thuộc quyền sở hữu của mình đi thế chấp là không đúng quy định. Thời điểm thực hiện hợp đồng mua bán căn cứ theo Bộ luật dân sự năm 2005, không quy định buộc phải đăng ký bảo lưu quyền sở hữu. Mấu chốt của vấn đề đó là: Thứ nhất: cả công ty P và Ngân hàng V khi thế chấp đều biết rõ đây chuyển máy móc với toàn bộ các thiết bị là tài sản được mua bán theo hợp đồng có bảo lưu quyền sở hữu; khi đó, rõ ràng tài sản vẫn thuộc quyền của bên nguyên đơn. Thứ hai, quá trình thực hiện, pháp luật không quy định phải đăng ký bảo lưu quyền sở hữu. Các máy móc, thiết bị được nguyên đơn cung cấp cho bị đơn theo các hợp đồng mua bán vẫn đang là các tài sản thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn bởi vì nguyên đơn bảo lưu quyền sở hữu và bị đơn chưa thanh toán đầy đủ tiền hàng. Việc bảo lưu quyền sở hữu của nguyên đơn đương nhiên có hiệu lực pháp luật mà không cần phải đăng ký giao dịch bảo đảm như yêu cầu của khoản 2 Điều 13 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Nghị định

này ra đời hướng dẫn, chính là giải thích khoảng trống này của pháp luật. Và cho đến sau này Bộ luật Dân sự 2015 được sửa đổi ban hành mới quy định rõ ràng hơn về việc đăng ký bảo lưu quyền sở hữu.

Đối với Ngân hàng V: ngày khi dẫn chiếu Nghị định 163 cho thấy trong trường hợp này Ngân hàng không phải là người thứ 3 ngay tình. Ngân hàng thừa nhận Thông tư 22 theo đó, Ngân hàng có trách nhiệm kiểm tra tài sản khi nhận thế chấp, kiểm tra việc đăng ký xem tài sản này có được bảo lưu quyền sở hữu hay không và như vậy, buộc Ngân hàng phải biết tài sản đang thế chấp đang có bảo lưu quyền sở hữu. Hơn nữa, bị đơn trong các phiên hòa giải ngày 22/6/2020 cũng đã thừa nhận hành vi thế chấp tài sản không thuộc sở hữu của bị đơn cho ngân hàng là trái pháp luật và chính bị đơn cam kết sẽ yêu cầu ngân hàng hủy bỏ việc thế chấp và xóa đăng ký giao dịch bảo đảm. Chính ngân hàng cũng thừa nhận về việc tài sản thế chấp phải thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp. Căn cứ vào văn bản số 1188/V ngày 21/8/2020, theo đó ngân hàng căn cứ vào cam kết của bị đơn tại Hợp đồng thế chấp 01/2017 rằng tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp và cam kết của bị đơn về quyền sở hữu các tài sản thế chấp không phải là căn cứ xác định quyền sở hữu. Tài sản có thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp hay không phải căn cứ vào các quy định của pháp luật áp dụng đối với tài sản đó. Ngân hàng phải có trách nhiệm kiểm tra các tài sản thế chấp có thuộc quyền sở hữu của bị đơn hay không trước khi ký kết hợp đồng thế chấp. Trên thực tế, ngân hàng khi nhận thế chấp đã biết về việc tài sản thế chấp vẫn thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật khi và chỉ khi tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo quy định Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc thế chấp tài sản không thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp là vô hiệu theo quy định Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hơn nữa, theo quy định của pháp luật dân sự, cụ thể là Điều 138 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015 về “Bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu” thì chỉ người thứ ba mà không phải là một bên trong giao dịch dân sự vô hiệu khi đáp ứng các yêu cầu của Điều 138 Bộ luật Dân sự năm 2005 hoặc Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015 mới được bảo vệ. Trong trường hợp này, ngân hàng là một bên của giao dịch thế chấp vô hiệu chứ không phải là người thứ ba, do đó ngân hàng không được coi là người thứ ba ngay tình. Hơn nữa cho đến hiện nay cần căn cứ vào án lệ số 39 xác định trường hợp mua bán trả chậm

thuộc sở hữu của bên bán được bảo lưu nên có căn cứ để bảo vệ cho nguyên đơn, ngân hàng cho rằng có kiểm tra tài sản thế chấp nhưng không hỏi bên bán có đồng ý cho việc thế chấp hay không.

Ngoài ra theo Công văn 64/TANDTC ngày 03/4/2019 giải đáp một số vướng mắc về dân sự đã giải đáp quy định tại Điều 133 BLDS năm 2015. Như vậy, theo quy định pháp luật, bên nhận bảo đảm “ngay tình” được bảo vệ trong các giao dịch bảo đảm phải là bên “không biết” và “không thể biết” về việc bên bảo đảm không có quyền dùng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Chính trong hợp đồng thế chấp 01/2017 đã ghi nhận cụ thể nguồn gốc các tài sản bảo đảm là tài sản mua bán theo các hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn, bị đơn và trong các hợp đồng đó quy định rõ nguyên đơn bảo lưu quyền sở hữu cho đến khi bị đơn thanh toán đầy đủ tiền hàng cho nguyên đơn. Do đó, không có bất cứ căn cứ pháp lý nào để cho rằng nguyên đơn vi phạm.

Từ những phân tích nêu trên, luật sư đề nghị HĐXX chấp nhận việc rút kháng cáo của nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm.

**Đại diện ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay, ngân hàng không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp tài sản do việc thế chấp hợp pháp nên yêu cầu Hội đồng xét xử bác khởi kiện của nguyên đơn.*

****Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- Ngân hàng V***

Căn cứ Điều 295, Điều 296 BLDS 2015 và khoản 2 Điều 8; khoản 2 Điều 13 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm, thông qua quy định này cho thấy, pháp luật cho phép Ngân hàng được nhận thế chấp đối với tài sản có bảo lưu quyền sở hữu và cho dù tài sản được thế chấp là tài sản bảo lưu quyền sở hữu nhưng nếu không đăng ký bảo lưu quyền sở hữu thì khi thế chấp các tài sản này tại Ngân hàng và Ngân hàng đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm thì Ngân hàng là bên nhận bảo đảm ngay tình và có thứ tự ưu tiên thanh toán cao nhất khi xử lý tài sản bảo đảm.

Tại khoản 3 Điều 12 hợp đồng thế chấp số 01/2017 bị đơn cam kết: *"Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên thế chấp và theo quy định của pháp luật Bên thế chấp có toàn quyền sử dụng để thế chấp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho*

Ngân hàng". Căn cứ theo các nội dung nêu trên, việc ký kết hợp đồng thế chấp số 01/2017 giữa bị đơn và ngân hàng là hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo vệ.

Đối với việc bảo lưu quyền sở hữu theo các hợp đồng mua bán giữa bị đơn và nguyên đơn nhận thấy có những mâu thuẫn, không rõ ràng như sau: Hợp đồng số 004 quy định Điều 14: Hợp đồng số 006 và hợp đồng số 027 quy định tại Điều 3 mục 3.3. Việc thỏa thuận cả hai hợp đồng là hợp đồng số 006 và hợp đồng số 027 cho thấy rằng bị đơn có quyền sở hữu tài sản đối với phần thiết bị tương ứng với số tiền đã thanh toán. Giá trị theo Hợp đồng số 004 là giá trị lớn, Hợp đồng thế chấp đã phát sinh hiệu lực đối với bên thứ 3, Ngân hàng đã đăng ký tại trung tâm giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự thủ tục và cho đến nay việc đăng ký vẫn còn hiệu lực pháp luật. Do vậy, căn cứ vào Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015 vẫn phát sinh hiệu lực đối với ngân hàng nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm không chấp nhận tuyên hủy hợp đồng này. Nguyên đơn không đăng ký bảo lưu nên cũng không phát sinh được quyền truy đòi theo Điều 308 Bộ luật dân sự. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì luật sư cho rằng hệ thống tín dụng của các ngân hàng phải xem xét sửa lại các quy định. Trên thực tế, dây chuyền sản xuất gạo của nhà máy P 2, 3 là đối tượng của 02 biện pháp bảo đảm riêng biệt, cụ thể là: Bảo lưu quyền sở hữu đối với nguyên đơn trong hợp đồng mua bán và thế chấp đối với Ngân hàng trong hợp đồng thế chấp số 01/2017 ngày 24/11/2017. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì khi xử lý tài sản bảo đảm, ngân hàng sẽ được ưu tiên thanh toán trước cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ tiền vay của bị đơn. Với những phân tích nêu trên, đề nghị: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy 1 phần hợp đồng thế chấp và các phần tuyên liên quan đến vấn đề này.

** Đại diện bị đơn thì cho rằng:* Theo quy định chung, pháp luật không cấm việc các bên thực hiện việc bảo lưu quyền sở hữu. Phía nguyên đơn đã không thực hiện việc đăng ký bảo lưu quyền sở hữu theo thỏa thuận trong hợp đồng. V là ngân hàng ngay tình theo quy định tại Điều 3 Nghị định 163/CP nên nếu thời điểm đó nguyên đơn đăng ký quyền sở hữu tài sản thì đã không kéo theo các quyền đối kháng phát sinh. Khi Công ty P nhận nợ của nguyên đơn như vậy đã chấm dứt việc bảo lưu quyền sở hữu do đó, nguyên đơn đã chọn hình thức đòi tiền thì không thể đòi quyền bảo lưu tài sản. Những vi phạm của luật sư nguyên đơn về người thứ 3 ngay tình

theo Công văn 64 và Công văn 02 của TANDTC trong trường hợp này là chưa phù hợp.

**Quan điểm tranh luận của luật sư nguyên đơn xoay quanh 3 vấn đề:* Tài sản được hình thành trong tương lai như luật sư của V đặt ra là chưa đúng. Thứ nhất, Ngân hàng nhận thế chấp trong khi tài sản thế chấp này vẫn là tài sản của bên bán được bảo lưu quyền sở hữu, tài sản chưa phải là tài sản của bị đơn trong trường hợp này. Thứ hai, biện pháp bảo đảm các bên thừa nhận đăng ký bảo lưu quyền sở hữu và phải căn cứ theo quy định của BLDS 2005 thời điểm áp dụng pháp luật không quy định phải đăng ký quyền sở hữu. Ngay khi nhận thế chấp Ngân hàng biết rõ là tài sản này không phải của bị đơn mà là tài sản được bảo lưu quyền sở hữu của nguyên đơn. Việc luật sư của phía bảo vệ ngân hàng dẫn chiếu BLDS 2015 là chưa phù hợp. Thứ ba, nếu lật ngược vấn đề, nguyên đơn không đăng ký trong thời hạn 15 ngày vậy thì nguyên đơn bị mất toàn bộ quyền tài sản là không phù hợp. Việc bảo lưu quyền sở hữu được đảm bảo cho nguyên đơn vì vậy không chấp nhận lập luận của quan điểm luật sư bảo vệ cho ngân hàng.

**Bà Đặng A trình bày tranh luận bổ sung:*

Đề nghị xem xét áp dụng giải quyết vụ án trên cái nhìn toàn diện căn cứ theo hệ thống của pháp luật để vận dụng. Phía đại diện bị đơn mỗi phiên tòa có người đại diện khác nhau nên phát biểu ý kiến chưa có sự thống nhất, cần thiết phải đảm bảo xem xét ý kiến xuyên suốt quá trình tố tụng. Phía bị đơn và ngân hàng có lúc thừa nhận biết việc bảo lưu quyền sở hữu nhưng có khi lại không thừa nhận. Phía ngân hàng đã sử dụng các quy định để xoáy vào việc đăng ký quyền sở hữu nhưng không phù hợp với viện dẫn của pháp luật tại thời điểm các bên phát sinh giao dịch. Công văn số 02 và Công văn 64 có liên quan vì giải thích rất cụ thể về người thứ 3 ngay tình và trường hợp này đề nghị HĐXX có xem xét để giải quyết dứt điểm tranh chấp.

**Quan điểm tranh luận của luật sư bảo vệ Ngân hàng:*

Theo luật sư BLDS 2005 & 2015 và Nghị định 163 đã quy định rất rõ về trường hợp bảo lưu quyền sở hữu tài sản, do nguyên đơn không thực hiện việc đăng ký nên trong trường hợp này sẽ không được bảo vệ. Phía V đã thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật một cách đầy đủ và chặt chẽ khi phát vay tín dụng. Lẽ ra, Công ty B là Công ty đa quốc gia luật sư tư vấn cần phải hết sức chặt chẽ vấn đề này. Bản án sơ thẩm chưa bảo vệ cho ngân hàng trong trường hợp này nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án như đã đề xuất nêu trên.

**Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của người liên quan và nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu rút lại toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ngày 19/05/2021. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 BLTTDS năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Còn về kháng cáo của ngân hàng đề nghị không chấp nhận vì: căn cứ Điều 62 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 461 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 13 Nghị định 163 thì hợp đồng mua bán số 004, 006 và 027 có bảo lưu quyền sở hữu và không có quy định thủ tục bắt buộc về việc đăng ký cho nên bị đơn đem thế chấp cho ngân hàng là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã thanh toán một phần số tiền cho nguyên đơn nên cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số 01 theo hợp đồng mua bán số 004 là phù hợp. Vì vậy đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh chưa thanh toán theo các hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết và yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản giữa bị đơn với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là giao dịch vô hiệu do việc giao kết này vi phạm pháp luật đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, tuy nhiên, về phía bị

đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy, nguyên đơn đã thực hiện xong các nghĩa vụ của bên bán trong hợp đồng mua bán hàng hóa và các bên có thỏa thuận xác định trách nhiệm trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn và cam kết thời gian thanh toán nợ nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, đồng thời, nguyên đơn yêu cầu tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp tài sản do tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn theo hợp đồng các bên đã ký kết mà bị đơn thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm thanh toán nợ. Các tranh chấp này phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các pháp nhân với nhau và các bên đều có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là mối quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại nên Tòa án sơ thẩm xác định “ *Tranh chấp đòi nợ từ hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu*” theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Căn cứ theo thỏa thuận của các đương sự về thẩm quyền giải quyết tranh chấp thể hiện trong đó các hợp đồng số 006, 027 thì có nội dung trường hợp phát sinh tranh chấp thì Tòa án nhân dân tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Riêng đối với hợp đồng số 004 thì các đương sự chọn tổ chức Trọng tài thương mại Quốc tế Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh là nơi có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Sau đó, đến ngày 14/02/2020 các bên có biên bản thỏa thuận trong trường hợp vi phạm thì được quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định.

Xét thấy nội dung thỏa thuận tại hợp đồng số 006, 027 chọn Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là không phù hợp theo quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án nên thỏa thuận không được chấp nhận, đối với thỏa thuận tại hợp đồng số 004 chọn tổ chức Trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp nhưng đến ngày 14/02/2020 đã được các bên lập văn bản thỏa thuận mới hủy bỏ Tổ chức trọng tài thương mại có thẩm giải tranh chấp mà chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết nên vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài thương mại theo quy định tại Điều 16 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn Công ty P có địa chỉ trụ sở tại khu vực T 1, phường T, quận T, Tp. Cần Thơ, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân quận T thụ lý là phù hợp theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo.

Ngày 18/05/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V yêu cầu sửa bản án như sau: Xác định hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 24/11/2017, đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 29/11/2017 giữa Ngân hàng và Công ty P lý là giao dịch dân sự hợp pháp và phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ ngày 29/11/2017. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp này.

Ngày 19/05/2021, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số 01/2017 ngày 24/11/2017 liên quan đến việc thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của B theo các hợp đồng mua bán số 027 ký kết ngày 31/12/2015 và hợp đồng mua bán số 006 ký kết ngày 24/05/2016.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu rút lại toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn theo đơn ngày 19/05/2021. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Do đó, chỉ còn phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng kháng cáo. Để xét nội dung kháng cáo do liên quan đến Hợp đồng mua bán có bảo lưu tài sản và Hợp đồng thế chấp, vì vậy cần đánh giá tính khách quan, toàn diện toàn bộ các chứng cứ có liên quan để xem xét, phân tích đánh giá từng vấn đề.

[5] Hồ sơ thể hiện, giữa bị đơn Công ty P và Ngân hàng đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6086407/HĐBĐ vào ngày 24/11/2017, theo đó thế chấp hệ thống máy móc, thiết bị của bị đơn trong đó gồm: Hệ thống xông trùng thùng chứa gạo thành phẩm 1900T (20 ngăn), hệ thống xông trùng thùng chứa gạo nguyên liệu 760T (8ngăn) (HĐMB số 006); Hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24 giờ (HĐMB số 004) và hệ thống thùng chứa lúa, thu gom bụi từ máy sấy và máy tách màu S4 (theo HĐMB số 027) để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng được ký kết giữa 02

Bên.

Hợp đồng thế chấp số 01/2017 được ký kết bởi đại diện hợp pháp của các bên và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh. *Tại khoản 3 Điều 12 hợp đồng thế chấp số 01 bị đơn có cam kết: “Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên thế chấp và theo quy định của pháp luật bên thế chấp có toàn quyền sử dụng để thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng ”.* Ngân hàng căn cứ theo các nội dung nêu trên, cho rằng việc ký kết Hợp đồng thế chấp 01/2017 giữa bị đơn và ngân hàng là hợp pháp tuân thủ theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy, theo Điều 62 Luật thương mại năm 2005 thì giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận trong các hợp đồng mua bán, cụ thể tại Điều 14 của hợp đồng 004 quy định như sau: *“Bên cung cấp vẫn sẽ là chủ sở hữu của thiết bị cung cấp cho đến khi đã nhận được đủ tất cả các khoản thanh toán phù hợp theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng ”*và tại Điều 3.3 tại Hợp đồng 027 và Hợp đồng 006 đều quy định như sau: *“Bên mua chưa thanh toán hết số tiền theo Điều 2 của hợp đồng này thì thiết bị tương ứng với số tiền chưa thanh toán vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, bên bán có quyền thu hồi lại nếu quá thời gian thanh toán quy định 30 ngày”*.

Do đó, các tài sản theo các hợp đồng mua bán số 004, 006 và 027 chưa phải là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị đơn như căn cứ nài ra của Ngân hàng.

[7] Các bên đặt ra vấn đề đối với bảo lưu quyền sở hữu; nguyên đơn thì cho rằng Hợp đồng mua bán ghi nhận các điều khoản rất cụ thể về việc bảo lưu. Ngân hàng lại cho rằng vì nguyên đơn không thực hiện việc đăng ký bảo lưu nên Ngân hàng khi nhận thế chấp đã kiểm tra và vẫn đăng ký được giao dịch đảm bảo nên không chấp nhận việc tuyên hủy hợp đồng thế chấp vì như thế sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng khi xử lý tài sản thế chấp và gần như các bên đều vận dụng căn cứ theo quy định, đối với việc bảo lưu quyền sở hữu tại Điều 461 Bộ luật Dân sự năm 2005 và được cụ thể hóa tại Điều 13 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

Quan điểm lập luận của luật sư nguyên đơn như đã nêu trên có căn cứ thuyết phục. Điều nhận thấy rõ ràng thời điểm thực hiện hợp đồng mua bán căn cứ theo Bộ luật dân sự năm 2005, không quy định buộc phải đăng ký bảo lưu quyền sở hữu. Mấu chốt của vấn đề đó là Công ty P và Ngân hàng khi thế chấp đều biết rõ đây chuyển máy móc với toàn bộ các thiết bị là tài sản được mua bán theo hợp đồng có bảo lưu quyền sở hữu; khi đó, rõ ràng tài sản vẫn thuộc quyền của bên nguyên đơn. Hơn nữa,

quá trình thực hiện, pháp luật không quy định phải đăng ký bảo lưu quyền sở hữu. Các máy móc, thiết bị được nguyên đơn cung cấp cho bị đơn theo các hợp đồng mua bán vẫn đang là các tài sản thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn bởi nguyên đơn bảo lưu quyền sở hữu và bị đơn chưa thanh toán đầy đủ tiền hàng. Việc bảo lưu quyền sở hữu của nguyên đơn đương nhiên có hiệu lực pháp luật mà không cần phải đăng ký giao dịch bảo đảm như yêu cầu của khoản 2 Điều 13 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

[8] Đối với việc ngân hàng nại ra trong kháng cáo và trong phần trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, ngân hàng yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp số 01 giữa bị đơn với ngân hàng là giao dịch dân sự hợp pháp và phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ ngày 29/11/2017. Ngoài ra, ngân hàng cho rằng mặc dù hợp đồng mua bán số 004 giữa nguyên đơn và bị đơn có bảo lưu quyền sở hữu đối với bên bán nhưng theo Điều 14 của hợp đồng số 004 có quy định: *“Bên mua tại đây ủy quyền cho bên cung cấp để đăng ký hoặc thông báo bảo lưu quyền sở hữu, theo mẫu yêu cầu khi đăng ký công khai, trên sổ sách hoặc dưới các hình thức lưu trữ tương tự phù hợp với các quy định liên quan của luật quốc gia và để hoàn tất mọi thủ tục tương ứng, với chi phí của bên mua”* thì nguyên đơn phải đăng ký bảo lưu quyền sở hữu nhưng nguyên đơn không thực hiện như thỏa thuận là lỗi của nguyên đơn chứ không phải của ngân hàng vì khi ngân hàng cấp tín dụng có tài sản bảo đảm nghĩa vụ bằng hợp đồng thế chấp số 01 theo các hợp đồng mua bán số 004, 006 và 027 thì ngân hàng có xem xét và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định.

Xét thấy, đối với việc nguyên đơn không đăng ký giao dịch đảm bảo đối với hợp đồng có bảo lưu quyền sở hữu theo các hợp đồng mua bán số 004, 006 và 027 thì không phải là thủ tục bắt buộc để hợp đồng mua bán hàng hóa có hiệu lực theo quy định tại Điều 461 Bộ luật Dân sự năm 2005 và không có nghĩa là nếu bên bán không đăng ký thì mất quyền sở hữu tài sản này. Trong Điều 14 của hợp đồng số 004 có quy định: *“Bên mua tại đây ủy quyền cho bên cung cấp để đăng ký hoặc thông báo bảo lưu quyền sở hữu, theo mẫu yêu cầu khi đăng ký công khai, trên sổ sách hoặc dưới các hình thức lưu trữ tương tự phù hợp với các quy định liên quan của luật quốc gia và để hoàn tất mọi thủ tục tương ứng, với chi phí của bên mua”* tức các bên có thỏa thuận ủy quyền cho nguyên đơn thực hiện đăng ký *“phù hợp với các quy định liên quan của luật quốc gia pháp luật quốc gia”* mà theo Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP tại thời điểm các bên thực hiện giao dịch dân sự không

có quy định về bảo lưu quyền sở hữu nên nguyên đơn không đăng ký là có cơ sở.

[9] Thêm vào đó, trong trường hợp này theo khoản 1 Điều 13 Nghị định 163/2006/NĐ- CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo thì nguyên đơn có quyền bảo lưu quyền sở hữu, tức nguyên đơn được quyền đòi lại tài sản nếu bị đơn không thanh toán đầy đủ theo hợp đồng mua bán số 004, 006 và 027 cho nguyên đơn. Do đó, ngân hàng cho rằng căn cứ Điều 13 Nghị định 163 để cho rằng ngân hàng có thứ tự ưu tiên thanh toán cao nhất khi xử lý tài sản bảo đảm là chưa đủ căn cứ vì như phân tích trên thì hợp đồng mua bán có bảo lưu quyền sở hữu không bắt buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm.

[10] Còn việc ngân hàng yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp số 01 giữa bị đơn với ngân hàng là giao dịch dân sự hợp pháp thì thấy rằng, mặc dù hợp đồng thế chấp số 01 giữa bị đơn và ngân hàng là giao dịch hợp pháp đúng quy định. Tuy nhiên, căn cứ Điều 117 của BLDS năm 2015 nhưng như phân tích trên thì đối với tài sản mua bán có bảo lưu quyền sở hữu vẫn được pháp luật cho phép tham gia giao dịch bảo đảm. Điểm cần xem xét trong vụ án này là thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm, khi ngân hàng xem xét cấp tín dụng cho bị đơn và nhận thế chấp các tài sản theo hợp đồng mua bán có các điều khoản về bảo lưu quyền sở hữu thì ngân hàng phải biết việc nếu bị đơn không thanh toán đầy đủ theo hợp đồng mua bán với nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền bảo lưu quyền sở hữu đối với tài sản mà nguyên đơn đã bán cho bị đơn. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tuyên vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số 01 theo các hợp đồng mua bán số 004, 006 và 027 là có cơ sở.

Thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã thanh toán được một phần trong tổng số giá trị tài sản phải thanh toán cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng giảm một phần nợ cho bị đơn nên cấp sơ thẩm nhận định các hợp đồng mua bán số 006 và 027 như án sơ thẩm nhận định là phù hợp nên giữ y phần tuyên này.

Do các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp số 01 vô hiệu một phần đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng mua bán số 004 nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định. Mặt khác, trong vụ án này ngân hàng không có yêu cầu độc lập yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp số 01. Do vậy, nếu ngân hàng có yêu cầu có thể khởi kiện bị đơn thành vụ kiện khác theo quy định.

[11] Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ngày 27/7/2021, Tòa án nhân

dân thành phố Cần Thơ nhận được đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề ngày 24/7/2021 của nguyên đơn. Sau khi nghiên cứu đơn và các tài liệu gửi kèm, Xét thấy: đối với yêu cầu nguyên đơn chưa chứng minh được ngân hàng đang thực hiện việc bán đấu giá hay chuyển nhượng phần khoản nợ của P ; chưa chứng minh được việc buộc thực hiện hành vi việc không thực hiện hành vi trên sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cấp bách của nguyên đơn. Nguyên đơn cũng chưa cung cấp chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, theo Điều 127, khoản 1 Điều 133 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 4, Điều 8 của Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020, yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình xét xử phúc thẩm của nguyên đơn là không được chấp nhận.

[12] Trong trường hợp này cần thiết bảo vệ đối với việc bảo lưu quyền sở hữu. Trong thực tế khi tuyên vô hiệu phần tài sản thế chấp này sẽ đảm bảo cho nguyên đơn được đảm bảo thực hiện thu hồi nợ trong quá trình thi hành án. Đối với Ngân hàng, cũng sẽ có thứ tự ưu tiên thanh toán tiếp theo đối với tài sản đảm bảo sau khi thực hiện việc phát mãi tài sản thanh toán để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng khi các bên yêu cầu. Do đó, quan điểm của luật sư bảo vệ cho Ngân hàng đề nghị không chấp nhận việc tuyên vô hiệu đối với HĐ số 004 là chưa đủ cơ sở thuyết phục.

[13] Từ những phân tích trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn. Các phần khác của bản án do không có kháng cáo và kháng nghị nên không đặt ra xem xét. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[14] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn có kháng cáo nhưng rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên vẫn phải chịu án phí; phía Ngân hàng do kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm, có khấu trừ một phần án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 30, 35, 39, 147, 244, 271, 273, điểm b khoản 1 điều 289 và khoản 1 điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 342, 461, 462 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Các Điều 123, 295, 317, 320, 331, 334, 468, 453, 454, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 24, 34, 50, 55, 62, 306, 319 Luật Thương mại năm 2005;
- Điều 16 Luật Trọng tài thương mại năm 2010;
- Nghị định số 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tín dụng ký kết giữa Công ty P với Ngân hàng V – chi nhánh sở giao dịch 2, do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

1/ Buộc bị đơn Công ty P phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty B tổng cộng số tiền 60.060.000.000đ (*Sáu mươi tỷ, không trăm sáu mươi triệu đồng*) trong đó gồm: Số tiền nợ gốc 55.000.000.000đ (*năm mươi lăm tỷ đồng*) và số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán được tính theo mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính từ ngày 01/8/2020 đến ngày 04/5/2021 với số tiền 5.060.000.000đ (*Năm tỷ, không trăm sáu mươi triệu đồng*).

Bị đơn Công ty P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 05/5/2021 trên dư nợ gốc theo mức suất thỏa thuận 1%/tháng cho đến khi bị đơn thanh toán xong số nợ này.

Về thời gian và phương thức thanh toán nợ được giải quyết tại Chi cục Thi hành án dân sự theo thẩm quyền.

2/ Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6086407/HĐBĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2017 ký kết giữa bên thế chấp Công ty P với bên nhận thế chấp Ngân hàng V – chi nhánh sở giao dịch 2 bị vô hiệu một phần đối với các tài sản là hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24giờ –B thể hiện tại hợp đồng số 004/CTR2015.BFVN, ngày 05/02/2015 kèm theo 14 phụ lục hợp đồng có liên quan, các tài sản được lắp đặt tại kho P 3, tọa lạc khu vực T (nay thuộc khu vực T1), phường T, quận T, TP. Cần Thơ, hiện các tài sản do bị đơn đang quản lý sử dụng.

3/ Bị đơn Công ty P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V phải có trách nhiệm xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các tài sản bị tuyên vô hiệu thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn nêu trên.

4/ Kiến nghị Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các tài sản là hệ thống xay xát gạo hoàn chỉnh 300 tấn/24 giờ – B được liệt kê trong hợp đồng số 004/CTR2015.BFVN, ngày 05/02/2015 kèm theo 14 phụ lục hợp đồng liên quan thể hiện trong hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6086407/HĐBĐ, ngày 24/11/2017 ký kết giữa bên thế chấp Công ty P với bên nhận thế chấp Ngân hàng V – chi nhánh sở giao dịch 2 theo quy định pháp luật.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty P phải nộp số tiền 171.060.000đồng (một trăm bảy mươi một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn Công ty B được nhận lại tổng số tiền 84.500.000đồng (tám mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo các biên lai thu tiền số 012337, ngày 14/8/2020 và biên lai thu tiền số 012207 ngày 25/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Nguyên đơn phải chịu 2.000.000đồng (hai triệu đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ 2.000.000đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nguyên đơn

đã nộp theo biên lai thu số 002842 ngày 26/05/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

Ngân hàng phải chịu 2.000.000đồng (hai triệu đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ 3.000.000đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 002820 ngày 18/05/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T. Ngân hàng được nhận lại 1.000.000đồng (một triệu đồng) tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận T

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/01/2022)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Tòa án nhân dân Q. T;
- Chi Cục THADS Q. T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang